

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SƠN

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn
trên địa bàn xã Đại Sơn, tính đến ngày 20/5/2026**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

STT	Tên thôn	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng	9,388		29,855	2,300.74		22	12	
I	ĐỐI VỚI XÃ ĐẠI SƠN								
1	Bình Dỵ	393	98.25	1,255	104.24		2	1	
2	Phương Quát	255	63.75	777	75.87		2	1	
3	Mỗ Đoạn	671	167.75	2,034	150.88	Nằm giữa 2 thôn Bình Dỵ và Phương Quát	2	0	
4	Liêu Xá	429	107.25	1,392	180.35		2	1	
5	Nghĩa Xá	1,158	289.50	3,932	426.69		2	2	
6	Đông Phong	755	188.75	2,475	217.80		2	1	
7	Lạc Dục	1,338	334.50	4,202	230.3		2	2	
8	Ô Mễ	1,470	367.50	4,447	238.40		2	1	
9	Nghĩa Dừng	669	167.25	2,151	268.88		2	1	
10	Thượng Hải	1,149	287.25	3,822	203.54		2	1	
11	Xuân Néo	1,101	275.25	3,368	203.79		2	1	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SƠN**

PHỤ LỤC 1B

Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn trên địa bàn xã

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn/ tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	xã Đại Sơn	9,388	29,855	731	11	0	1	1	9	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SON**

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Đại Sơn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn																		So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	Ghi chú				
			Trước khi sắp xếp thôn									Sau khi sắp xếp thôn														
			Tổng số	Trong đó										Tổng số	Trong đó											
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận		Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23				
1	xã Đại Sơn	11	77	11	11	11	11	11	11	0	11	56	8	8	8	8	8	8	0	8	-21					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SƠN**

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Đại Sơn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	Từ 51 tuổi đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Phương Quát														
1	Lương Văn Lý	13/5/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7,488,000				1				1	1
2	Nguyễn Thị Kim Giang	22/02/1968	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	3,031,000			1			1			1
II	Thôn Bình Dy														
1	Lã Văn Tiến	12/01/1970		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000			1					1	
2	Đàm Văn Hoàn	17/6/1961		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000				1			1		
III	Thôn Mỗ Đoạn														
1	Đoàn Hữu Nghị	17/01/1961		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000				1				1	1
2	Tăng Văn Thắng	18/01/1979		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000		1						1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	Từ 51 tuổi đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
IV	Thôn Liêu Xá														
1	Bùi Minh Tuấn	22/08/1974		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000			1					1	
2	Nguyễn Văn Duyệt	02/02/1969		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000			1					1	
V	Thôn Nghĩa Xá														
1	Nguyễn Văn Thịnh	06/06/1968		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000			1					1	
2	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	07/05/1977		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000		1				1			
VI	Thôn Nghĩa Dũng														
1	Nguyễn Văn Quỳnh	25/05/1965		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000				1				1	1
2	Nghiêm Viết Đâu	13/09/1965			Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000				1				1	1
VII	Thôn Xuân Nẻo														
1	Nguyễn Văn Đạt	23/04/1995		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000	1					1			
2	Phạm Anh Tuấn	25/10/1959		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000				1				1	1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	Từ 51 tuổi đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
VIII	Thôn Ô Mễ														
1	Nguyễn Ngọc Khắc	15/09/1963		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000				1				1	1
2	Nguyễn Văn Duyệt	21/09/1968		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000			1					1	
IX	Thôn Lạc Dục														
1	Phạm Văn Huyền	20/02/1961		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000				1				1	1
2	Phạm Văn Tầm	03/10/1961		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000				1		1			1
X	Thôn Thượng Hải														
1	Khương Viết Tuần	10/08/1975		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000			1					1	
2	Lê Văn Phong	13/10/1974		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000			1					1	
XI	Thôn Đông Phong														
1	Nguyễn Thị Vy	15/05/1972		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9,828,000			1					1	
2	Nguyễn Tá Phan	19/10/1964		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn	4,212,000				1				1	1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	Từ 51 tuổi đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số						1	2	9	10	0	3	2	17	10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SƠN**

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã Đại Sơn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	Từ 51 tuổi đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Phương Quát														
1	Tăng Văn Thuần	4/4/1976		1	Thôn đội trưởng	1,170,000			1					1	
II	Thôn Bình Dỵ														
1	Vũ Xuân Thụy	8/29/1977			Thôn đội trưởng	1,170,000		1						1	
III	Thôn Mỗ Đoạn														
IV	Thôn Liêu Xá														
1	Nguyễn Xuân Thăng	5/25/1975			Thôn đội trưởng	1,170,000			1					1	
V	Thôn Nghĩa Xá														
1	Nguyễn Xuân Mai	6/1/1960			Phó thôn	2,340,000				1				1	
2	Nguyễn Văn Điệp	10/16/1979			Thôn đội trưởng	1,170,000		1						1	
VI	Thôn Nghĩa Dũng														
1	Nguyễn Đình Hiền	9/19/1973		1	Thôn đội trưởng	1,170,000			1					1	
VII	Thôn Xuân Nèo														
1	Nguyễn Văn Hiếu	11/11/1979		1	Thôn đội trưởng	1,170,000		1						1	
VIII	Thôn Ô Mễ														
1	Nguyễn Văn Minh	10/18/1995			Thôn đội trưởng	1,170,000	1							1	
IX	Thôn Lạc Dục														
1	Phạm Văn Hải	10/31/1986			Phó thôn	2,340,000		1						1	
2	Nguyễn Văn Khải	10/1/1978			Thôn đội trưởng	1,170,000		1						1	
X	Thôn Thượng Hải														

1	Lê Văn Hoàn	1/1/1956			Phó thôn	2,340,000				1				1
XI	Thôn Đông Phong									1				1
1	Nguyễn Tá Cứ	7/26/1964			Phó thôn	2,340,000								
	Tổng			3			1	5	3	3				12

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SƠN**

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Đại Sơn
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2025 của UBND xã Đại Sơn)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
ĐỐI VỚI XÃ ĐẠI SƠN: Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 05 thôn thành 02 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 03 thôn; giữ nguyên 06 thôn												
1	Bình Dy	393	1,255	104.24	Thôn Kỳ Sơn	1319	4066	330.99	03 Nhà văn hóa	03 thôn có vị trí liền kề nhau; có 01 thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	329.75	
	Phương Quát	255	777	75.87								
	Mỗ Đoan	671	2,034	150.88								
2	Liêu Xá	429	1,392	180.35	Thôn Đại Đồng	1,587	5,324	607.04	02 nhà văn hóa	2 thôn có vị trí liền kề; phong tục tập quán cơ bản giống nhau; theo định hướng đến năm 2030 xã Đại Sơn đạt đô thị loại III, theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP tổ dân phố phải có từ 550 hộ trở lên, do đó Liêu Xá chưa đảm bảo điều kiện tối thiểu để là 1 tổ dân phố. Như vậy Liêu Xá thực hiện sáp nhập với Nghĩa Xá là phù hợp tình hình phát triển của địa phương	396.75	
	Nghĩa Xá	1,158	3,932	426.69								

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định	
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		Lý do đề nghị sáp nhập
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
3	Đông Phong	755	2,475	217.80		755	2,475	217.80		Giữ nguyên không thực hiện sắp xếp	188.75
4	Lạc Dục	1,338	4,202	230.3		1,338	4,202	230.3		Giữ nguyên không thực hiện sắp xếp	334.50
5	Ô Mễ	1,470	4,447	238.40		1,470	4,447	238.40		Giữ nguyên không thực hiện sắp xếp	367.50
6	Nghĩa Dũng	669	2,151	268.88		669	2,151	268.88		Giữ nguyên không thực hiện sắp xếp	167.25
7	Thượng Hải	1,149	3,822	203.54		1,149	3,822	203.54		Giữ nguyên không thực hiện sắp xếp	287.25
8	Xuân Nèo	1,101	3,368	203.79		1,101	3,368	203.79		Giữ nguyên không thực hiện sắp xếp	275.25

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SON

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Đại Sơn
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn/ tổ dân phố tiến hành sắp xếp					Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp				Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó quy mô				Tổng số	Trong đó quy mô				Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP							Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên		Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	XÃ ĐẠI SON	11	11	0	1	2	8	8	0	0	0	8	1	1	0	0	3	4	1	Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI SƠN**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đại Sơn
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đại Sơn)

TT	Tên thôn,	Thuộc phương án sắp xếp thôn	Tổng số nhà văn hóa và sân thể thao			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Sân thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Sân thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19	20
1	Bình Dy	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn Bình Dy, Phương Quát, Mỗ Đoạn để thành lập thôn Kỳ Sơn										Không dôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sân tập luyện thể thao chung của thôn	Các nhà văn hóa của thôn cũ đều nhỏ, chưa đáp ứng được yêu cầu sinh hoạt tập trung tại 1 địa điểm
2	Phương Quát		6	3	3	4	2	2	4	0	0		
3	Mỗ Đoạn												
	Liêu Xá	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các											Các nhà văn hóa của thôn cũ đều nhỏ, chưa

2	Nghĩa Xá	thôn Liêu Xá, Nghĩa Xá để thành lập thôn Đại Đồng	4	2	2	2	1	1	2	0	0	các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sân tập luyện thể thao chung của thôn	đáp ứng được yêu cầu sinh hoạt tập trung tại 1 địa điểm
	TỔNG		10	5	5	6	3	3	6	0	0		